

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 294/2018/DS – PT

Ngày: 07/11/2018

V/v “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Thẩm phán: Huỳnh Ngọc Dũng

Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2018/TLPT - DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS – ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2018/QĐ – PT ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Điền V, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Trung B, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Trung B: Bà Nguyễn Thị Lan Ch, sinh năm 1960

Địa chỉ: phường A, thành phố A, tỉnh Bến Tre

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Minh Th, sinh 1966 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thủy: Bà Nguyễn Thị Lan Ch, sinh năm 1960

Địa chỉ: phường A, thành phố A, tỉnh Bến Tre

-Chị Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1992.

-Anh Lê Trí Th, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp A, xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đ, anh Th: Ông Lê Trung B, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp A, xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre.

-Ông Trần Bá X, sinh năm 1942 (Có mặt).

Địa chỉ: đường A, khu A, Tp. A, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Trung B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm: Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông là chủ sử dụng thửa đất số 237, tờ bản đồ số 9 tọa lạc xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre. Muốn đi ra lộ công cộng gia đình ông phải đi qua đất của ông Trần Bá X thửa 189 tờ bản đồ số 9 và đất ông Lê Trung B thửa 187 tờ bản đồ số 9. Lối đi này đã hình thành từ trước năm 1975, trước đây có 04 hộ đi gồm bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn T, ông Trần Bá X và gia đình ông. Hiện nay bà Ch, ông T không còn đi lối đi này nữa chỉ còn ông X và gia đình ông đi. Hiện tại, ông X vẫn cho gia đình ông đi trên đất của ông X nhưng ông Lê Trung B làm hàng rào lưới B40 ở đầu lối đi không cho gia đình ông đi ra lộ công cộng. Lối đi trên đất ông B có chiều ngang khoảng 01 mét, chiều dài khoảng 13 mét. Việc ông đi trên đất của ông B không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B. Sự việc ông có nhờ chính quyền địa phương giải quyết nên ông B cho gia đình ông đi tạm trên đất ông B chờ Tòa án giải quyết. Ngoài lối đi này gia đình ông không còn lối đi nào khác thuận tiện đi ra lộ công cộng. Vì vậy, ông yêu cầu ông B, bà Th, chị Đ, anh Th phải mở cho gia đình ông một lối đi qua đo đạc có diện tích 22,2 m² thuộc một phần thửa 187, tờ bản đồ số 09 tọa lạc ấp A, xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre, ông đồng ý đền bù cho gia đình ông B theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Lê Trung B trình bày:

Ông là chủ thửa đất số 187 tờ bản đồ số 9 tọa lạc xã A, thành phố Bến Tre. Trước đây ông có cho các hộ dân phía trong đi qua đất của ông để đi ra lộ công cộng trong đó có gia đình ông V. Quá trình đi ông V gây nứt cầu, ông V chở vật liệu, sang hỏi ông sửa cầu, ông không đồng ý và yêu cầu ông V về đất ông V đi để đất ông canh tác. Ông V cho rằng đường đi là đường công cộng nhưng ông yêu cầu ông V muốn đi thì bắt cầu ngoài hàng rào của ông mà đi. Ông V thưa ông ra chính quyền địa phương. Qua sự việc trên ông nhận thấy ông V không có tình làng nghĩa xóm, ngang ngược làm quyền, coi thường chủ đất. Ông không đồng ý cho gia đình ông V đi trên đất của ông, vì lối đi này trước đây ông mở cho gia đình ông V và các hộ khác đi nhưng hiện nay chỉ còn

hộ gia đình ông V đi. Quá trình đi trên đất của ông, gia đình ông V có cách xử sự không đúng với gia đình ông, đồng thời gia đình ông V có đường đi khác thuận tiện để đi ra lộ công cộng. Lối đi hiện tại ông V yêu cầu ông mở ông đã đóng 01 trụ xi măng và rào lưới B40 ở đầu lối đi để bảo quản tài sản cho gia đình ông. Ông chỉ cho gia đình ông V đi tạm trên lối đi này trong khi chờ Tòa án giải quyết. Ông sẽ rào lối đi này vĩnh viễn khi Tòa án giải quyết xong. Ông không đồng ý cho ông V đi trên đất của ông nên ông không có yêu cầu gì về việc đền bù. Việc các chủ đất khác không cho gia đình ông V đi trên đất của họ là việc của ông V ông không có ý kiến.

Theo bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Minh Th trình bày:

Bà không đồng ý cho gia đình ông V đi trên đất của bà, vì ông V có lối đi khác thuận tiện để đi ra lộ công cộng. Các vấn đề khác bà thống nhất như ý kiến của ông B. Việc các chủ đất khác không cho gia đình ông V đi trên đất của họ là việc của ông V bà không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Bá X trình bày: Ông có thửa đất nằm sát ranh với đất của ông Nguyễn Điền V, Lê Trung B, Trần Bá S, đất ông nằm giữa các chủ đất trên. Ông V muốn đi ra lộ công cộng phải qua đất của ông rồi qua đất của ông B, ông V vẫn cho gia đình ông V đi, lối đi này gần và thuận tiện cho gia đình ông V. Lối đi này hình thành từ trước năm 1975. Ông không đồng ý cho ông V đi từ đất ông V quẹo trái qua đất của ông V và ông Trần Bá S, hướng này không có lối đi, đất của ông V và của ông S là bờ dừ. Ông V đi qua đất ông, qua đất ông B để đi ra lộ công cộng là ngắn và thuận tiện nhất. Còn hướng đi qua đất của ông V và ông S xa và không phải là lối đi. Do điều kiện ở xa không về tham gia giải quyết vụ án tranh chấp giữa ông Lê Trung B và ông Nguyễn Điền V được nên ông yêu cầu giải quyết vắng mặt ông, ông cam kết không khiếu nại về sau.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 69/2018/DS – ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Điền V về việc yêu cầu ông Lê Trung B, bà Nguyễn Minh Th, chị Lê Thị Hồng Đ, anh Lê Trí Th phải có nghĩa vụ mở lối đi qua đo đạc thực tế có diện tích 22,2 m² thuộc một phần thửa 187 (thửa 1/187a), tờ bản đồ số 9 tọa lạc xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre.

2. Buộc ông Lê Trung B, bà Nguyễn Minh Th, chị Lê Thị Hồng Đ, anh Lê Trí Th phải đi dờn trụ xi măng (ở giữa đầu lối đi) và lưới B40 để dành cho ông Nguyễn Điền V phần lối đi quan đo đạc thực tế có diện tích 22,2 m² thuộc một phần thửa 187 (thửa 1/187a), tờ bản đồ số 9 tọa lạc xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre do ông Lê Trung B đứng tên quyền sử dụng đất. Lối đi có tứ cận như sau:

- Đông giáp thửa 187 dài 14,75 mét.

- Tây giáp thửa 187 dài 13,58 mét và thửa 189 dài 1,29 mét.
- Nam giáp thửa 187 các cạnh dài 2,91 mét , 3,20 mét và 1,10 mét.
- Bắc giáp đường đi dài 1,22 mét.(có hồ sơ đo đạc kèm theo).

3.Ghi nhận ông Nguyễn Điền V tự nguyện đền bù cho ông Lê Trung B Nguyễn Minh Th, chị Lê Thị Hồng Đ, anh Lê Trí Th thiệt hại là giá trị đất (lối đi) và tài sản trên đất là 7.887.000 đ (Bảy triệu tám trăm tám bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

4.Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của ông Lê Trung B, bà Nguyễn Minh Th, chị Lê Thị Hồng Đ, anh Lê Trí Th đối với diện tích đất làm lối đi mà ông Nguyễn Điền V được quyền sử dụng, giới hạn chiều cao lối đi là 03 mét tính từ mặt đất.

-Ông Nguyễn Điền V được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của ông Lê Trung B, bà Nguyễn Minh Th, chị Lê Thị Hồng Đ, anh Lê Trí Th đối với phần lối đi mà ông được sử dụng và tuân thủ các điều kiện được đảm bảo trong quá trình sử dụng đất mà pháp luật quy định.

-Ông Nguyễn Điền V được quyền đăng ký xác lập sử dụng quyền sử dụng hạn chế đối phần lối đi qua đo đạc thực tế có diện tích 22,2 m² thuộc một phần thửa 187 (thửa 1/187a), tờ bản đồ số 9 tọa lạc xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/9/2018, bị đơn ông Lê Trung B kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Theo đơn kháng cáo của ông Lê Trung B và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Trung B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Minh Th là bà Nguyễn Thị Lan Ch trình bày: Bản vẽ thứ hai ký ngày 09/7/2018 mới đúng thực trạng đất của ông B. Thẩm phán chỉ công khai bản vẽ đúng, còn bản vẽ sai thì đến ngày mở phiên Tòa mới giao lại cho ông; Công Văn số 371/UBND xã Mỹ Thạnh An ngày 12/7/2018, nhưng đến ngày 21/8/2018 mới được công khai trong phiên xử; Tòa thụ lý không đúng về yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề. Nhưng phần đất của ông không liền kề với ông V, nên không liền kề mới đúng. Rồi bản án lại ghi yêu cầu mở lối đi qua; Hồ sơ đo đạc là ông B tranh chấp với ông V nhưng hồ sơ vụ án là ông V tranh chấp với ông B; ngoài lối đi ngang đất của ông, gia đình ông V còn hai lối đi khác là hưởng rẽ trái từ đất ông X, ông Trần bá S có chiều dài khoảng 80m. Con đường thứ hai là qua đất bà Ch, đi thẳng ra lộ công cộng.

Gia đình ông ít đất, và đã mở một lối đi khác, nên ông phải rào lại để bảo vệ tài sản của ông; hồ sơ đo đạc không được công khai, đất của ông không phải đất giao thông ông yêu cầu hủy bản án của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, không chấp nhận đơn khởi kiện của ông V.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung: bị đơn kháng cáo mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Trung B và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp, qua đo đạc thực tế có diện tích 22,2m² thuộc một phần thửa 187, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp A, xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre là lối đi được hình thành từ năm 1975. Vào ngày 29/12/2005 (Bl172), ông Lê Trung B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp đất cho ông B, không có ai tranh chấp nên công nhận phần đất đang tranh làm lối đi là đất của ông B.

[2] Ông Nguyễn Điền V có nhà và đất tọa lạc tại thửa 237, tờ bản đồ số 09. Gia đình ông V muốn đi ra lộ phải đi qua 02 thửa 198 của ông X và thửa 187 của ông B. Lối đi này, gia đình ông V đã đi từ năm 1975 cho đến nay. Nay, ông B không đồng ý cho ông V đi nên rào lại, hai bên xảy ra tranh chấp. Ông V khởi kiện buộc ông B mở lối đi, ông V đồng ý bồi thường giá trị đất, tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

[3] Xét kháng cáo của ông B thấy rằng: Ông B cho rằng bản vẽ ngày 09/7/2018 mới đúng thực trạng đất của ông, thẩm phán chỉ công khai bản vẽ đúng, còn bản vẽ sai đến ngày mở phiên tòa mới giao cho ông. Trong quá trình tố tụng, giải quyết vụ, án thẩm phán công khai bản vẽ đúng là đúng qui định, bản vẽ này được tòa án tuyên và kèm theo bản án là không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông B.

[4] Công Văn số 371/UBND xã A ngày 12/7/2018, nhưng đến ngày 21/8/2018 mới được công khai trong phiên xét xử, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 254 Bộ luật tố tụng 2015, Hội đồng xét xử công bố tài liệu, chứng cứ khi lời khai của người tham gia phiên tòa mâu thuẫn với lời khai trước đó. Tại phiên Tòa, ông B trình bày lối đi đang tranh chấp hình thành được 5-6 năm, nên Tòa án công bố công Văn 371/UBND vì công Văn 371/UBND xác định lối đi đang tranh chấp hình thành từ năm 1975.

[5] Quan hệ tranh chấp, khi Tòa án thụ lý tranh chấp lối đi qua bất động sản liền kề, bản án là quan hệ yêu cầu mở lối đi qua. Đất của ông V bị bao bọc bởi các bất động sản của chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra, ông V yêu cầu các chủ sở hữu này, cụ thể là yêu cầu ông B mở lối đi Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự 2015 Tòa án xác định quan hệ tranh yêu cầu mở lối đi là phù hợp; hồ sơ do có nhầm lẫn ghi ông B tranh chấp với ông V, nhưng Tòa án khi giải quyết đã ghi ông V tranh chấp với ông B. Việc nhầm lẫn này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, nên điều chỉnh cho phù hợp.

[6] ông B cho rằng, ông V có lối đi khác là lối đi qua đất ông X, ông S và qua đất bà Ch. Tuy nhiên, ông S ông X không cho ông V mở lối đi. Theo ông S và ông X, ông V đi trên lối đi được hình thành từ năm 1975 và từ trước đến giờ gia đình ông V vẫn đi trên lối đi đó, nên không đồng ý mở. Thực tế, lối đi mà ông B đề cập chưa được hình thành, nếu qua đất ông S sẽ cắt đôi phần đất ông S làm hai, vì đất ông S là đất bờ dừ. Trong khi đó, lối đi qua đất ông B đã được hình thành từ năm 1975, nằm ngoài hàng rào bảo vệ đất của ông. Ngoài ra, ông B cho rằng, ông V có thể đi qua đất bà Ch, nhưng từ nhà ông V đến đầu đất bà Châu là 300m, trên đất chưa có lối đi, ông V đi trên phần đất đang tranh chấp từ năm 1975, lối đi đang tranh chấp có chiều dài 12m, mặt trước nhà hướng ra lối đi tranh chấp, nhà ông V là nhà tường kiên cố nên không thể quay hướng nhà ngược lại để đi ra hướng đất bà Ch, nên việc ông B cho rằng ông V có lối đi khác là không hợp lý, không đúng với thực tế sử dụng.

[7] Ông B trình bày đất của ông ít, muốn lấy lại để canh tác và bảo vệ tài sản vì hay bị mất cắp, nhưng thực tế thửa 187 của ông B có diện tích là 2.395,3m², lối đi tranh chấp là 22,2m²; đối với tài sản trên đất của ông B bị mất cắp, ông B có quyền tố giác đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết nên yêu cầu của ông B là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy lối đi tranh chấp là thuận lợi nhất, ít gây thiệt hại cho nhất cho các bất động sản liền kề, nên yêu cầu mở lối đi của Viên là có căn cứ nên được chấp nhận. Ông B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới thể hiện kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận. Từ những nhận định nêu trên, yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ, Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Trung B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng(theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Trung B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS – ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: 1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Điền V về việc yêu cầu ông Lê Trung B, bà Nguyễn Minh Th, chị Lê Thị Hồng Đ, anh Lê Trí Th phải có nghĩa vụ mở lối đi qua đo đạc thực tế có diện tích 22,2 m² thuộc một phần thửa 187 (thửa 1/187a), tờ bản đồ số 9 tọa lạc xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre.

2.Buộc ông Lê Trung B, bà Nguyễn Minh Th, chị Lê Thị Hồng Đ, anh Lê Trí Th phải đi dời trụ xi măng (ở giữa đầu lối đi) và lưới B40 để dành cho ông Nguyễn Điền V phần lối đi quan đo đạc thực tế có diện tích 22,2 m² thuộc một phần thửa 187 (thửa 1/187a), tờ bản đồ số 9 tọa lạc xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre do ông Lê Trung B đứng tên quyền sử dụng đất. Lối đi có tứ cận như sau:

-Đông giáp thửa 187 dài 14,75 mét.

-Tây giáp thửa 187 dài 13,58 mét và thửa 189 dài 1,29 mét.

-Nam giáp thửa 187 các cạnh dài 2,91 mét , 3,20 mét và 1,10 mét.

-Bắc giáp đường đi dài 1,22 mét.

(có hồ sơ đo đạc kèm theo).

3.Ghi nhận ông Nguyễn Điền V tự nguyện đền bù cho ông Lê Trung B Nguyễn Minh Th, chị Lê Thị Hồng Đ, anh Lê Trí Th thiệt hại là giá trị đất (lối đi) và tài sản trên đất là 7.887.000 đ (Bảy triệu tám trăm tám bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

4.Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của ông Lê Trung B, bà Nguyễn Minh Th, chị Lê Thị Hồng Đ, anh Lê Trí Th đối với diện tích đất làm lối đi mà ông Nguyễn Điền V được quyền sử dụng, giới hạn chiều cao lối đi là 03 mét tính từ mặt đất.

-Ông Nguyễn Điền V được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của ông Lê Trung B, bà Nguyễn Minh Th, chị Lê Thị Hồng Đ, anh Lê Trí Th

đối với phần lỗi đi mà ông được sử dụng và tuân thủ các điều kiện được đảm bảo trong quá trình sử dụng đất mà pháp luật quy định.

-Ông Nguyễn Điền V được quyền đăng ký xác lập sử dụng quyền sử dụng hạn chế đối phần lỗi đi qua đo đạc thực tế có diện tích 22,2 m² thuộc một phần thửa 187 (thửa 1/187a), tờ bản đồ số 9 tọa lạc xã A, thành phố A, tỉnh Bến Tre tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Chi phí tổ tụng khác là 1.534.000 đồng ông Nguyễn Điền V đã tự nguyện chịu và quyết toán xong.

6. Án phí DSST là 300.000 đồng ông Nguyễn Điền V tự nguyện chịu nên ghi nhận, số tiền án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013226 ngày 01/11/2017 và biên lai số 0015634 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, ông V được nhận lại số tiền chênh lệch là 300.000 đồng theo các biên lai nêu trên.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Trung B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019539 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Xương

Đất ông V bị bao bọc bởi các chủ bất động sản liền kề, muốn đi ra đường công cộng phải qua đất ông Trần Bá Xuân và ông Lê Trung B, ông Trần Bá Xuân đồng ý cho ông V đi trên đất của ông Xuân, không tranh chấp. Ông Lê Trung B không đồng ý cho ông V đi trên lối đi tranh chấp nói trên, vì cho rằng

ông V còn nhiều lối đi khác thuận tiện hơn, cụ thể đi qua đất Trần Bá Xuân, ông Trần Bá Sinh, ông Nguyễn Tùng Lâm và bà Nguyễn Thị Châu.